

SAFETY JOGGER
PROFESSIONAL

Light

KASSIE 01

Giày th ể **thao công** trung **thoáng khí**
ế th Thiế thao và thoáng khí. Kassie **trang** khí **phù** hợp **và** cho **chức** năng ớ
rư cổ **cao** p gh ờ thiế t vật l iệu **công** n gh ệ **cao** hóa ợc t
u **và** khí **loài** đư ộc **theo** công **thái** h ọ i loạn. **Kassie** là **hành** lý
t ư ởn g **cho** ngày làm việ c **và** h ơn th ế nữa.

Những vật liệu **cao** cấp hơn **3D**	lưới
lót bên trong	i **tái** chế lưới
trong Đ	ệm **chân** SJ làm từ **mút tái** chế (96% vật liệu **tái** chế)
ngoài Đ	Philon/cao su
i Loạ	01 / SR, HRO, A
Phạm vi kích thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng thép	0.245 kg
ản hiêu chu	EN ISO 20347:2022+A1:2024 ASTM F2892:2024

CE · 30°

CO2 4.15 kg



WHT



BLK



BLU



DGR



Phần **trên thoáng khí**
Tăng độ ẩm **và** kiểm **soát** nhiệt
độ **mang** lại **lâu** hơn.



Tay cầm **Oxy / Tay** cầm **SJ**
ê ngoài **công** su Oxytract **hàng** trên cả **sân** và **SRC** (SRA+ SRB).



SRC
những **tính** giày **toàn** và
giày **SRC** qua **bài**
SRA và SRB, **chúng** được kiểm
tra trên cả bề mặt **thép** và gốm.



3D lưới
cách
chỉnh nhiệt độ **và** độ
ẩm t



hấp thụ **gót chân**
Sự hấp thụ **năng** lượng ở **gót**
chân khi
mang. ười



SJ BỘ
ấm **lót chân** T
chống tính
vận, dẫn hướng **và** hấp thụ sốc
gót chân **và** bàn **Thoáng** khí **và** hút ẩm.

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp **n:**
phục vụ **ăn** uố ạnh g, Làm sốcupốẩm m & Đthuộ c v ề y hồ ợn cg p,Hục

ường: **Môi** t
rư ờn **môi khô,** Bề mặt cự c mịn , b ề mặt **không** bằn g phẳn g

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng **tôi khuyên** bạn **nên** v ệ **sinh giày** thư ờn g **xuyên và** bảo v ệ **chúng** bằm phẳ **cách** hằ nhiệ **Không** trên lờ s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ơn vị u	**đo** l Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệ **3D** l ư ớ **cao** cấp h ơn				
	Top: khả **năng** n ấm ớch ơ	? 0.8	31.9	iờ mg/cm/g
	Top: hi ệu ố ch ơ	? 15	255.6	mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế ớ			
	L ớp **lót:** n ấm ớch ơ	? 2	86.31	iờ mg/cm/g
	lót: hi ệu ố ch ơ	? 20	691	mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)				
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800	chu kỳ
goài Đ	**Phlon/cao su**			
	Ch ố n trượt ế ngoài (	? 150	71	mm
	Chư ố ợt c ợt bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt **gót** v ề phía t	? 0.31	0.35	ma sát
	rư Cột ố ợt bằng G ố m + NaLS - Trư ợt **lùi** v ề phía t	? 0.36	0.39	ma sát
	rư Cột SR- G ố m + Glycerin - Trư ợt **gót** phía t	? 0.19	0.25	ma sát
	Chư ố ợt SR- G ố m + Glycerin - Tư ợt v ề phía t	? 0.22	0.28	ma sát
	rị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	32.8	megaohm
	rị ESD Giá t	0.1 - 100	N/A	megaohm
	Hấp thụ **năng** l ợ **gót** chân ủ	? 20	26	J

kích thước thép: 38

a chúng tôi không có ý kiến thay thế và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ơn vị u	**đo** l Đ ờn g q
i **CO phát** thả			
	V ật l iệu	1.90	kg
	Bao bì	0.10	kg
	ất Sản x u	1.90	kg
	Chuyên ch ở	0.26	kg
		4.15 kg CO2/ cặp	

	Sự **miêu** t ả	ế t u	K q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế			
	Product	17%	
	Bao bì	99%	

Tính toán CO2:
rị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán